

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01 /2022/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 13 tháng 7 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE  
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 5**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Xét Tờ trình số 3510/TTr-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Chương trình).

2. Mức phân bổ tại Nghị quyết này được thực hiện riêng cho Chương trình.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các huyện, thành phố và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

2. Các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

### **Điều 3. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ ngân sách Trung ương (vốn đầu tư phát triển)**

1. Nguyên tắc phân bổ vốn: hỗ trợ cho các xã, huyện chưa đạt chuẩn nông thôn mới, nhất là xã an toàn khu; xã đạt dưới 15 tiêu chí; xã đạt chuẩn nông thôn mới nhưng chất lượng tiêu chí chưa cao.

2. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn

a) Xã đạt dưới 15 tiêu chí, xã an toàn khu chưa đạt chuẩn nông thôn mới: hệ số 5,0.

b) Xã đạt từ 15 đến 18 tiêu chí: hệ số 3,0.

c) Xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: hệ số 1,0.

Các tiêu chí, hệ số này là cơ sở để tính toán tổng vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện, thành phố giai đoạn 2021-2025. Tùy tình hình thực tế, các huyện, thành phố chủ động đề xuất danh mục công trình được phân bổ để thực hiện mục tiêu xây dựng nông thôn mới của địa phương.

### **Điều 4. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ ngân sách tỉnh**

1. Nguyên tắc: ưu tiên phân bổ cho các xã, huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

2. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn

a) Xã dưới 19 tiêu chí, chưa được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới của các huyện Mỏ Cày Bắc, Mỏ Cày Nam, Thạnh Phú, Châu Thành: hệ số 20.

b) Xã đạt từ 14 đến 18 tiêu chí của các huyện Bình Đại, Ba Tri, Giồng Trôm: hệ số 20.

c) Xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: hệ số 1,0.

Các tiêu chí, hệ số này là cơ sở để tính toán tổng vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thành phố giai đoạn 2021-2025. Tùy tình hình thực tế, các huyện, thành phố chủ động đề xuất danh mục công trình được phân bổ để thực hiện mục tiêu xây dựng nông thôn mới của địa phương.

### **Điều 5. Định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh hỗ trợ thực hiện Chương trình**

STT	Nội dung đầu tư	Tỷ lệ phân bổ NSNN cấp tỉnh/tổng mức đầu tư (%)	Ghi chú
	<b>Đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội</b>		
1	Trường học	100	<i>Phân bổ từ ngân sách tỉnh</i>
2	Trung tâm hành chính xã	70	<i>Phân bổ từ ngân sách tỉnh</i>
3	Trung tâm văn hóa, thể thao huyện	70	<i>Ngân sách Trung ương phân bổ không quá 50%/tổng mức đầu tư</i>
4	Đường huyện	90	<i>Ngân sách Trung ương phân bổ không quá 50%/tổng mức đầu tư</i>
5	Trung tâm thể thao, nhà văn hóa xã	70	
6	Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện	80	
7	Đường trục ấp, liên ấp	50	
8	Đường ngõ, xóm, nội đồng	30	
9	Cống, đê bao khu vực (trên địa bàn một xã và liên xã)	70	
10	Công trình cấp nước sạch nông thôn	90	

Giao Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định mức phân bổ từ ngân sách huyện đối với tỷ lệ phần trăm phần còn lại cho từng nội dung, công việc cụ thể thuộc nhiệm vụ chi ngân sách huyện, bảo đảm phù hợp với thực tế và yêu cầu hỗ trợ của từng địa phương.

#### **Điều 6. Xử lý chuyển tiếp**

Đối với các công trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã được ngân sách nhà nước phân bổ vốn theo quy định tại Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân

dân tỉnh, thì tiếp tục thực hiện việc phân bổ vốn theo các quy định tại Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND.

### **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện có hiệu quả nội dung Nghị quyết này. Trong quá trình thực hiện nếu có các phát sinh, vướng mắc, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về định mức hỗ trợ vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016 - 2020.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 7 năm 2022./.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước KV IX;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Bến Tre;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, ngành: KH&ĐT, TC, NN&PTNT, TP, KBNN tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng: ĐDBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Báo Đồng Khởi, Đài PT-TH tỉnh;
- Trang TTĐT ĐBND tỉnh Bến Tre, Trung tâm TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Hồ Thị Hoàng Yến**